



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG PHỔ THÔNG NGUYỄN TRÚC



NGUYEN TRUC SCHOOL

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2025 - 2026

Tháng 8 - 2025



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG PT NGUYỄN TRỰC

PHỔ THÔNG
NGUYỄN TRỰC
Số 01/KH-PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng Đạo, ngày 26 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện quy chế công khai năm học 2025 - 2026

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với nhà trường của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 1234/SGDĐT-GDTrH ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn kiểm tra nội bộ năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 03/KHCM-PTNT kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026;

Trường PT Nguyễn Trực xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế công khai cho năm học 2025 - 2026 như sau:

I. Mục đích yêu cầu

1. Mục đích

Thực hiện công khai các nội dung theo quy định nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế công khai.

II. Nội dung công khai

1. Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

a. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

b. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

d. Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

2. Công khai Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

a. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có).

b. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

trường còn phải thực hiện công khai như sau:

Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi nhà trường tuyển sinh đối với học sinh lớp 10;.

Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới đối với học sinh đang học tại nhà trường.

III. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định theo quy chế và kế hoạch đề ra. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Chỉ đạo cho các đối tượng thuộc diện phải kê khai minh bạch tài sản thực hiện kê khai đúng quy định. Tổ chức công khai minh bạch tài sản tại đơn vị và nộp kết quả kê khai đúng quy định.

Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học hiện tại và kế hoạch triển khai của năm học tiếp theo.

2. Phó Hiệu trưởng

Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; chịu trách nhiệm về đưa thông tin lên trang website của trường.

Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục. Chuẩn bị các nội dung công khai liên quan báo cáo Hiệu trưởng.

3. Bộ phận văn phòng

Chịu trách nhiệm nội dung 3: Công khai thu chi tài chính.

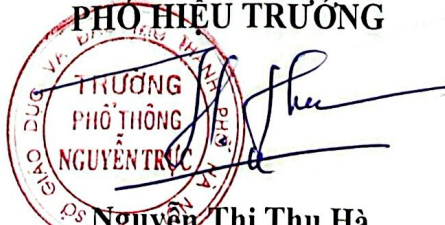
Tham mưu các nội dung báo cáo về công tác tài chính cho hiệu trưởng.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quy chế công khai năm học 2025-2026 của trường Phổ Thông Nguyễn Trực. Yêu cầu các thành viên trong ban chỉ đạo và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc, báo cáo kịp thời, đúng quy định theo kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Ban lãnh đạo trường;
- Lưu VT.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trưởng
Phổ Thông
NGUYỄN TRỰC

Nguyễn Thị Thu Hà



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

TRƯỜNG PT NGUYỄN TRỰC

Số: 04/QĐ – PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Hưng Đạo, ngày 26.. tháng 8.. năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Qui chế công khai trong nhà trường năm học 2025 -2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PHỔ THÔNG NGUYỄN TRỰC

Căn cứ thông tư số 32/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của BGDĐT Ban hành qui định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Qui chế công khai trong nhà trường của trường PT Nguyễn Trục.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27/8/2025; các quy định trước đây trái với Quyết định này đều được bãi bỏ.

Điều 3: BGH, các tổ trưởng chuyên môn, CBGV – NV và học sinh trường PT Nguyễn Trục có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

Như điều 3;

Lưu văn thư.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Hòa

QUY CHẾ

Thực hiện công khai trong hoạt động nhà trường

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01./QĐ-PTNT ngày 26 Tháng 08 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường PT Nguyễn Trực)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về thực hiện công khai đối với Trường PT Nguyễn Trực.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của Nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của Nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá Nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của Nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của nhà trường phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại Nhà trường và trên các trang thông tin điện tử theo quy định trong Quy chế này phải chính xác, kịp thời để tiếp cận.

Chương II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI NHÀ TRƯỜNG

Điều 4. Nội dung công khai

1. Công khai về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a. *Cam kết chất lượng giáo dục:* Điều kiện về đối tượng tuyển sinh; chương trình giáo dục nhà trường đang thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Biểu mẫu 09b).

b. Chất lượng giáo dục thực tế: Số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào đại học, cao đẳng, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Biểu mẫu 10).

c. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d. Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng của Nhà trường:

a. Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Biểu mẫu 11).

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a. Tình hình tài chính

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; học phí; các nguồn thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí; chính sách học bổng... và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính (Biểu mẫu số 17, 18, 19, 20, 21, 22).

b. Học phí và các khoản thu khác từ người học:

Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c. Các khoản chi theo từng năm học:

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/l học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị...

d. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm

Về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ. Kết quả kiểm toán (nếu có):

Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a. Đối với công tác tuyển sinh:

Nhà trường thông báo kế hoạch, chỉ tiêu, điều kiện, hồ sơ tuyển sinh lớp 10 hàng năm bằng văn bản đến các trường THCS trên địa bàn tuyển sinh của trường và niêm yết tại bảng tin Nhà trường trước ngày thực hiện quy trình tuyển sinh 15 ngày.

b. Đối với cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

Công khai niêm yết tại Bảng tin của Nhà trường, trên trang thông tin điện tử của Nhà trường vào trước 30/7 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 7 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Thông báo trong các cuộc họp Cha mẹ học sinh, họp cơ quan. Bất cứ lúc nào khi nhà trường hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

c. Đối với điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

Thông báo trong cuộc họp cơ quan, Họp Cha mẹ học sinh, niêm yết tại Bảng tin Nhà trường đầu năm học và trên trang thông tin điện tử của Nhà trường Thời

điểm công khai trước 30/10 hàng năm và cập nhật kịp thời khi có thay đổi nội dung liên quan.

2. Tình hình tài chính Nhà trường:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Công khai tài chính: Công khai dự toán, quyết toán năm từ nguồn kinh phí nhà nước trước ngày 28/2; học phí, các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí công khai dự toán trước ngày 30/10.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm Hiệu trưởng nhà trường

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Bản công khai cam kết chất lượng giáo dục gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ sở để đánh giá xếp loại thi đua cuối năm. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện quy chế công khai lồng ghép báo cáo sơ kết học kì I, tổng kết năm học và báo cáo định kỳ theo quy định, báo cáo đột xuất theo yêu cầu (nếu có).

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của Ban Thanh tra nhân dân, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý cấp trên.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của Ban Thanh tra nhân dân và các cơ quan quản lý cấp trên bằng các hình thức sau đây:

- a) Công bố công khai trong cuộc họp cơ quan.
- b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại Bảng tin nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem xét.
- c) Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là Quy chế thực hiện công khai của trường PT Nguyễn Trực./.

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường PT Nguyễn Trực năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	177 tất cả HS trong độ tuổi thường trú và tạm trú trên địa bàn	148 Tất cả HS trong độ tuổi thường trú và tạm trú trên địa	175 tất cả HS trong độ tuổi thường trú và tạm trú trên địa bàn
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường sẽ thông báo kết quả giáo dục học tập, năng lực và phẩm chất của học sinh theo từng học kỳ; gia đình phải liên hệ thường xuyên với GVCN, với BGH để cùng phối hợp giáo dục học sinh. Học sinh phải thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của một học sinh tiểu học, chấp hành đầy đủ nội qui của nhà trường. Việc phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình được thực hiện theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 /11 /2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>)		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Trong năm học, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá, các buổi sinh hoạt đội, tổ chức các hoạt động vệ sinh, và các hoạt động khác để giáo dục toàn diện cho học sinh.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức	Cuối năm học, tất cả HS đều được đánh giá phẩm chất và năng lực. Đa số HS đều đạt được Chuẩn kiến		
	khỏe của học sinh dự kiến đạt được	thức-Kĩ năng theo quy định của từng khối lớp, phần đầu có 99,8 % đỗ tốt nghiệp THPT.		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Cuối năm học 99.8% số học sinh có đủ kiến thức, kĩ năng để tiếp tục theo học các lớp trên		

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG PHỔ THÔNG NGUYỄN TRÜC

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Tổng số học sinh	528	148	175	205
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	528	148	175	205
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	528	148	175	205
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	125 23.67%	35 23,65%	38 21,71%	52 25,37%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	396 75%	109 73,65%	134 76,57%	153 74,63%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7 1.33%	4 2,7%	3 1,7%	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	528	148	175	205
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	466 88,26%	126 85,14%	150 85,71%	190 92,68%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	59 11,17%	21 14,19%	23 13,14%	15 7,32%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,57%	1 0,68%	2 1,14%	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	528	148	175	205
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG PHỔ THÔNG NGUYỄN TRỰC

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường PT Nguyễn Trực
năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	23/15	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	23	1,50
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ, mượn	0	0
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	14.000	12,41
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	6.400	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.610	
2	Diện tích thư viện (m ²)	0	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	70	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	70	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	0	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	60	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	721	
1.1	Khối lớp 10	15	15 bộ/ 5lớp
1.2	Khối lớp 11	15	15 bộ/ 5lớp
1.3	Khối lớp 12	15	15 bộ/ 5lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	

VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	30	1,7 HS/Bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp

1	Ti vi	17	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy tính	6	
5	Máy chiếu Projector	10	
6	Máy photocopy	1	
7	Laptop	20	
8	Máy quay kỹ thuật số	0	
9	Ipad	0	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	01

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		8		0,03m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG PHỔ THÔNG NGUYỄN TRỰC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường PT Nguyễn Trực, năm học 2025-2026.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
STT	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	36	2	2	31	1									
I	Giáo viên	20		1	19										
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc	0													
2	Ngoại ngữ	2			2										
3	Tin học	1			1										
4	Âm nhạc	0													
5	Mỹ thuật	0													
6	Thể dục	2			2										
II	Cán bộ quản lý	02		1	1										
1	Hiệu trưởng	1		1											
2	Phó hiệu trưởng	1			1										
III	Nhân viên	11			11										
1	Nhân viên kế toán	1			1										

2	Nhân viên y tế	1			1										
3	Nhân viên văn thư (HD 111)	2			2										
4	Nhân viên Bảo vệ	2						2							
5	Nhân viên Lao công	2						2							
6	Nhân viên phục vụ	3						3							



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG PHỔ THÔNG NGUYỄN TRỮC

Số: 04./QĐ-PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày 27 tháng 08 năm 2025

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2025 -2026

TRƯỜNG PHỔ THÔNG NGUYỄN TRỮC

Năm học	Học phí lớp 10 (VNĐ)	Học phí lớp 11 (VNĐ)	Học phí lớp 12 (VNĐ)
2025 - 2026	500.000	650.000	750.000
2026 -2027	550.000	700.000	800.000
2027 - 2028	550.000	700.000	800.000

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Hòa